



CÔNG TY CP ĐƯỜNG NINH HÒA

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**  
**QUÍ IV CỦA NĂM TÀI CHÍNH BẮT ĐẦU**  
**TỪ NGÀY 01/07/2014 ĐẾN 30/06/2015**

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG**  
**NINH HÒA**



## **MỤC LỤC**

	<b>Trang</b>
<b>1. Mục lục</b>	<b>1</b>
<b>2. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 06 năm 2015</b>	<b>2 - 5</b>
<b>3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ quý IV của năm tài chính bắt đầu từ 01/07/2014 đến 30/06/2015</b>	<b>6 - 7</b>
<b>4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ quý IV của của năm tài chính bắt đầu từ 01/07/2014 đến 30/06/2015</b>	<b>8 - 9</b>
<b>5. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ quý IV của năm tài chính bắt đầu từ 01/07/2014 đến 30/06/2015</b>	<b>10 - 30</b>

\*\*\*\*\*

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA**

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý IV của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/06/2015

Mẫu số B 01a – DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

Quý IV

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>980.305.018.686</b>	<b>1.179.354.566.897</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>341.506.801.949</b>	<b>19.932.166.208</b>
1. Tiền	111		21.506.801.949	19.932.166.208
2. Các khoản tương đương tiền	112		320.000.000.000	-
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>5.000.000.000</b>	<b>23.200.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	5.000.000.000	23.200.000.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>303.451.187.016</b>	<b>784.699.933.427</b>
1. Phải thu khách hàng	131	V.3	106.073.896.159	350.503.090.878
2. Trả trước cho người bán	132	V.4	133.804.595.308	127.665.221.217
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.5	63.732.999.272	306.857.297.692
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(160.303.723)	(325.676.360)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>324.181.415.528</b>	<b>343.597.152.010</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.6	324.181.415.528	343.597.152.010
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>6.165.614.193</b>	<b>7.925.315.252</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7	278.962.151	959.119.791
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		5.186.796.088	709.218.291
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.8	699.855.954	6.256.977.170

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA**

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý IV của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/06/2015

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)****Mẫu số B 01a – DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>921.720.783.660</b>	<b>741.997.779.137</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>329.847.158.918</b>	<b>341.434.946.866</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	323.450.737.919	331.452.211.217
<i>Nguyên giá</i>	222		507.496.342.518	468.493.202.550
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(184.045.604.599)	(137.040.991.333)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	255.748.522	316.966.830
<i>Nguyên giá</i>	228		715.230.534	637.230.534
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(459.482.012)	(320.263.704)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	6.140.672.477	9.665.768.819
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		-	-
<i>Nguyên giá</i>	241		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	242		-	-
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>571.796.270.138</b>	<b>387.834.434.709</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.12	330.235.035.340	131.406.800.187
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.13	136.918.628.178	179.525.027.902
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.14	138.601.234.798	109.101.234.798
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	V.15	(33.958.628.178)	(32.198.628.178)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>20.077.354.604</b>	<b>12.728.397.562</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.16	18.378.801.604	12.659.897.562
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		1.698.553.000	68.500.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>1.902.025.802.346</b>	<b>1.921.352.346.034</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA**

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý IV của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/06/2015

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)****Mẫu số B 01a - DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>972.919.481.199</b>	<b>1.067.913.973.248</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>885.821.832.130</b>	<b>915.284.925.311</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.17	770.294.107.623	711.400.179.612
2. Phải trả người bán	312	V.18	42.003.480.171	77.650.872.646
3. Người mua trả tiền trước	313		744.065.260	136.571.044
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.19	1.684.670.921	18.024.470.609
5. Phải trả người lao động	315		10.953.118.818	10.851.139.921
6. Chi phí phải trả	316	V.20	26.420.881.241	29.770.053.925
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.21	27.803.609.718	59.884.242.094
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.22	5.917.898.378	7.567.395.460
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>87.097.649.069</b>	<b>152.629.047.937</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.23	87.097.649.069	152.629.047.937
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>929.106.321.147</b>	<b>853.438.372.786</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>929.106.321.147</b>	<b>853.438.372.786</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.24	607.500.000.000	607.500.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.24	12.165.550.000	12.165.550.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.24	115.414.941.854	111.993.139.098
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.24	21.699.257.493	18.371.956.237
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.24	172.326.571.800	103.407.727.451
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>1.902.025.802.346</b>	<b>1.921.352.346.034</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA**

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý IV của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/06/2015

**Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)****Mẫu số B 01a – DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ**

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	
		Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	5.487.000
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại:			
Dollar Mỹ (USD)		1.822,52	10.180,39
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án			

Ninh Hòa, ngày 12 tháng 08 năm 2015



Nguyễn Thị Như Hiếu  
Người lập biểu



Ngô Thị Thu Trang  
Kế toán trưởng



Võ Thị Thủy Tiên  
Giám đốc Tài chính



Trần Kim Dũng  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA**

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý IV của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/06/2015

**Mẫu số B 02a - DN**

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

**Quý IV**

Từ ngày 01/04/2015 đến ngày 30/06/2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV				Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước	
			(01/04/2015 - 30/06/2015)	(01/04/2014 - 30/06/2014)	(01/07/2014 - 30/06/2015)	(01/01/2014 - 30/06/2014)	
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	337.504.059.558	441.172.039.825	1.019.783.811.210	635.083.305.343	
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-	2.489.308.801	-	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1	337.504.059.558	441.172.039.825	1.017.294.502.409	635.083.305.343	
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	295.382.437.767	350.308.214.604	858.973.032.912	515.856.793.298	
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		42.121.621.791	90.863.825.221	158.321.469.497	119.226.512.045	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	7.680.834.870	10.544.038.271	47.614.712.795	16.417.664.660	
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	29.164.517.221	15.374.324.781	70.364.602.123	35.215.296.636	
Trong đó: chi phí lãi vay	23		13.057.233.814	18.214.086.440	46.034.371.948	24.570.492.372	
8. Chi phí bán hàng	24	VI.5	6.073.377.555	7.230.421.082	17.966.254.643	9.190.460.397	
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.6	14.659.502.938	13.997.697.280	40.743.025.292	20.629.495.921	
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(94.941.053)	64.805.420.349	76.862.300.234	70.608.923.751	
11. Thu nhập khác	31	VI.7	408.286.650	1.418.739.149	257.884.162.214	4.210.152.821	
12. Chi phí khác	32	VI.8	201.461.117	333.135.195	254.618.283.236	3.550.850.747	
13. Lợi nhuận khác	40		206.825.533	1.085.603.954	3.265.878.978	659.302.074	
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		111.884.480	65.891.024.303	80.128.179.212	71.268.225.825	
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.19	(4.910.131.302)	14.569.965.316	(3.997.718.365)	15.816.003.765	

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA**

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý IV của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/06/2015  
**Bảng kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ (tiếp theo)**

Mẫu số B 02a - DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC  
 Ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng BTC)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lấy kể từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay (01/04/2015 - 30/06/2015)	Năm trước (01/04/2014 - 30/06/2014)	Năm nay (01/07/2014 - 30/06/2015)	Năm trước (01/01/2014 - 30/06/2014)
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		5.022.015.782	51.321.058.987	84.125.897.577	55.452.222.060
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	V1.9	83	845	1.385	913

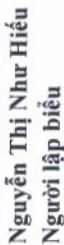
  
 Nguyễn Thị Như Hiếu  
 Người lập biểu


  
 Ngô Thị Thu Trang  
 Kế toán trưởng

  
 Võ Thị Thủy Tiên  
 Giám đốc Tài chính



Ninh Hòa, ngày 12 tháng 08 năm 2015

  
 Trâm Kim Dũng  
 Tổng Giám đốc

  
 Trâm Kim Dũng  
 Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA**

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý IV của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/06/2015

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ**

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Quý IV Niên độ 2014 - 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
			(01/07/2014 - 30/06/2015)	(01/01/2014 - 30/06/2014)
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		80.128.179.212	71.268.225.825
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		48.637.951.480	19.301.582.220
- Các khoản dự phòng	03		1.594.627.363	10.204.290.758
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04			-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(33.429.747.838)	(15.900.742.427)
- Chi phí lãi vay	06		46.034.371.948	24.570.492.372
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		142.965.382.165	109.443.848.748
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		417.753.906.491	(258.131.173.959)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		19.415.736.482	(289.835.092.604)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(46.218.825.262)	51.351.482.586
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(5.038.746.402)	172.660.735
- Tiền lãi vay đã trả	13		(46.034.371.948)	(19.535.354.703)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(30.997.848.429)	(7.916.699.240)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		28.718.937.904	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(18.675.249.047)	(5.314.371.218)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>461.888.921.954</b>	<b>(419.764.699.655)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(256.912.732.505)	(54.277.940.023)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		275.020.746.849	671.250.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(298.800.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		317.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(293.676.880.800)	(27.085.078.050)
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		79.152.677.000	46.800.000.000
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		28.867.455.988	20.068.864.518
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(149.348.733.468)</b>	<b>(13.822.903.555)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA**

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý IV của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/06/2015

**Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		1.729.928.128.893	920.224.596.430
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(1.690.518.681.638)	(785.422.931.147)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(30.375.000.000)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>9.034.447.255</b>	<b>134.801.665.283</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>		<b>321.574.635.741</b>	<b>(298.785.937.927)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>V.1</b>	<b>19.932.166.208</b>	<b>318.718.104.135</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>341.506.801.949</b>	<b>19.932.166.208</b>

Ninh Hòa, ngày 12 tháng 08 năm 2015



Nguyễn Thị Như Hiếu  
Người lập biểu



Ngô Thị Thu Trang  
Kế toán trưởng



Võ Thị Thủy Tiên  
Giám đốc Tài chính



Trần Kim Dũng  
Tổng Giám đốc

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA**

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý IV của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/06/2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ** (tiếp theo)

---

### **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

**Quý IV của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/06/2015**

#### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, thương mại.
- 3. Ngành nghề kinh doanh** :
  - Sản xuất đường từ mía và các sản phẩm phụ;
  - Tổ chức thu mua mía cây, đầu tư và phát triển vùng nguyên liệu;
  - Thi công xây dựng các công trình công nghiệp, dân dụng;
  - Gia công chế tạo cơ khí;
  - Mua bán vật tư nông nghiệp, mua bán phân bón;
  - Vận tải hàng hóa đường bộ;
  - Sản xuất phân bón;
  - Kinh doanh dịch vụ kho bãi ;
  - Sản xuất và kinh doanh bán điện;
  - Kinh doanh bất động sản;
  - Mua bán đường; Buôn bán chè, sữa và các sản phẩm sữa;
  - Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp;
  - Đại lý bán lẻ xăng, dầu, nhớt (trừ dầu nhớt cặn);
  - Buôn bán máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
  - Buôn bán sắt, thép, nhôm, inox;
  - Trồng cây mía;
  - Dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng máy móc và thiết bị công nghiệp;
  - Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
  - Dịch vụ cơ giới hóa trồng và chăm sóc cây mía;

#### **4. Nhân viên**

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 Công ty có 473 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 03 năm 2015 là 537 nhân viên).

#### **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

##### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 07 và kết thúc vào ngày 30 tháng 06 hàng năm.

##### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA**

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý IV của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/06/2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 2 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2015 niên độ 2015 – 2016 trở đi.

#### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

#### **3. Hình thức kế toán áp dụng**

Công ty sử dụng hình thức chứng từ ghi sổ. Công việc ghi sổ kế toán được thực hiện trên phần mềm trên máy vi tính.

### **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

#### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

#### **2. Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

#### **3. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác, dự phòng công nợ phải thu khó đòi**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

### 5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 – 25
Máy móc thiết bị	03 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05

### 6. Tài sản cố định vô hình

#### *Giá trị quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao trong thời gian sử dụng. Quyền sử dụng đất lâu dài không tính khấu hao.

#### *Phần mềm máy tính*

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong thời gian 5 năm.

### 7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA**

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý IV của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/06/2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ** (tiếp theo)

---

### **8. Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### **9. Đầu tư tài chính**

Các khoản đầu tư vào chứng khoán, công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

### **10. Chi phí trả trước dài hạn.**

#### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 48 tháng.

#### ***Tiền thuê đất trả trước***

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời gian 50 năm.

#### ***Các chi phí khác***

Lệ phí trước bạ quyền sử dụng đất, chi phí đền bù giải phóng mặt bằng của diện tích đất 1.500 m<sup>2</sup> làm nhà chứa bã mía với thời gian phân bổ 25 năm.

### **11. Chi phí phải trả.**

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA**

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý IV của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/06/2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### **12. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp**

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng  $\frac{1}{2}$  tháng lương bình quân làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

### **13. Nguồn vốn kinh doanh**

#### ***Vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

#### ***Thặng dư vốn cổ phần***

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

#### ***Vốn khác của chủ sở hữu***

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

#### ***Cổ phiếu quỹ***

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

### **14. Cổ tức**

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

### **15. Trích lập quỹ**

Mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

### **16. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### ***Thuế thu nhập hiện hành***

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

## **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA**

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý IV của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/06/2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

---

### ***Thuế thu nhập hoãn lại***

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

### **17. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ**

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

### **18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu**

#### ***Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

#### 19. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

#### V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

##### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	26.428.625	32.726.504
Tiền gửi ngân hàng	21.480.373.324	19.899.439.704
Tiền gửi có kỳ hạn dưới 3 tháng	320.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>341.506.801.949</u></b>	<b><u>19.932.166.208</u></b>

##### 2. Đầu tư tài chính ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Quân Đội	-	20.000.000.000
Công ty CP Bò Giồng Miền Trung	3.000.000.000	1.200.000.000
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam - CN Nha Trang	2.000.000.000	2.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>5.000.000.000</u></b>	<b><u>23.200.000.000</u></b>

##### 3. Phải thu của khách hàng

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP Đường Biên Hòa	69.305.221.682	11.886.574.841
Công ty CP Đầu Tư Thành Thành Công	21.383.945.250	239.282.853.270
Công ty TNHH MTV Nhiệt Điện Ninh Hòa	6.168.933.948	4.831.926.355
Chi nhánh Công ty TNHH METRO Cash & Carry Việt Nam tại tỉnh Đắk Lắk	1.963.104.000	27.322.000
Chi nhánh Công ty TNHH Metro Cash & Carry Việt Nam tại Tp.Đà Nẵng	1.539.647.000	153.750.000
Công ty TNHH METRO Cash & Carry Việt Nam	1.340.280.700	-
Công ty CP TM Thành Thành Công	-	57.960.000.000
Công ty CP SX - TM Bao Bì Thành Thành Công	-	36.170.870.400
Các khách hàng khác	4.372.763.579	189.794.012
<b>Cộng</b>	<b><u>106.073.896.159</u></b>	<b><u>350.503.090.878</u></b>

##### 4. Trả trước cho người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Giá trị đầu tư cho nông dân từ vụ 2008 đến 2012	134.231.037	409.386.784
Giá trị đầu tư cho nông dân vụ 2013-2014	1.588.137.720	4.586.407.991
Giá trị đầu tư cho nông dân vụ 2014-2015	9.277.625.792	119.920.256.863

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Giá trị đầu tư cho nông dân vụ 2015-2016	76.098.771.366	-
Công ty TNHH TM Đầu Tư Thuận Thiên	34.180.648.750	-
Công ty CP Cơ Điện Và Xây Lắp Hùng Vương	5.237.568.305	-
Thomas Broadent & Sons Limited	1.707.367.960	-
Công ty CP Mía Đường Thành Thành Công Tây Ninh	1.214.000.000	1.214.000.000
Công ty CP Du Lịch Thành Thành Công	1.086.977.000	-
Các nhà cung cấp khác	3.279.267.378	1.535.169.579
<b>Cộng</b>	<b><u>133.804.595.308</u></b>	<b><u>127.665.221.217</u></b>
<b>5. Các khoản phải thu khác</b>		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Võ Trọng Hữu - phải thu từ bán cổ phiếu công ty CP Mía Đường Phan Rang	23.500.000.000	-
Nguyễn Thúy Hằng - phải thu từ bán cổ phiếu công ty CP Mía Đường Phan Rang	22.768.888.000	-
Nguyễn Thị Bích Ngọc - phải thu từ bán cổ phiếu công ty CP Giao Dịch Hàng Hòa Sơn Tín	5.000.000.000	-
Công ty TNHH Cho thuê tài chính Quốc tế Việt Nam - Dự án bồn chứa mật ri 5.000m <sup>3</sup>	3.058.000.000	-
Trần Thanh Thịnh - chuyển nhượng 22,3 ha đất tại Buôn Lác, Ninh Tây	2.678.390.100	-
Công ty CP Đầu tư Thành Thành Công	1.703.034.722	3.758.650.443
Công ty CP Khai thác và quản lý KCN Đặng Huỳnh	1.368.263.889	-
Phải thu chi phí sửa đường vận chuyển mía	1.237.672.080	-
Công ty CP Bò Giồng Miền Trung	106.249.999	6.337.500
Công ty TNHH MTV Nhiệt Điện Ninh Hòa	24.388.852	299.447.778.350
Mua Cổ phiếu Công ty Cổ Phần Mía Đường Phan Rang	-	3.085.078.050
Công ty CP Thương mại Thành Thành Công	-	68.425.000
Các đối tượng khác	2.288.111.630	491.028.349
<b>Cộng</b>	<b><u>63.732.999.272</u></b>	<b><u>306.857.297.692</u></b>
<b>6. Hàng tồn kho</b>		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	16.489.281.924	16.386.124.633
Công cụ, dụng cụ	26.913.250	36.955.903
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.068.017.101	527.625.073
Thành phẩm	294.128.926.187	313.255.231.965
Hàng hóa	12.468.277.066	13.391.214.436
<b>Cộng</b>	<b><u>324.181.415.528</u></b>	<b><u>343.597.152.010</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 7. Chi phí trả trước ngắn hạn

	SDDK	Phát sinh tăng trong năm	Kết chuyển chi phí trong năm	SDCK
Chi phí công cụ dụng cụ	129.158.433	585.073.329	(648.546.828)	65.684.934
Chi phí bảo hiểm xe ô tô, cháy nổ và CBCNV	271.491.781	531.280.816	(744.643.210)	58.129.387
Chi phí trả trước chờ phân bổ vụ 2014- 2015	-	61.276.599.885	(61.276.599.885)	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	558.469.577	1.845.798.312	(2.249.120.059)	155.147.830
<b>Cộng</b>	<b>959.119.791</b>	<b>64.238.752.342</b>	<b>(64.918.909.982)</b>	<b>278.962.151</b>

### 8. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tạm ứng	413.781.353	472.277.332
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	286.074.601	5.784.699.838
<b>Cộng</b>	<b>699.855.954</b>	<b>6.256.977.170</b>

### 9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà xưởng, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Số đầu năm	38.822.051.936	417.498.613.768	9.854.869.197	2.317.667.649	468.493.202.550
Tăng trong năm	15.442.127.699	42.659.536.633	1.128.125.455	-	59.229.789.787
Mua trong năm	125.516.963	2.305.663.294	1.128.125.455	-	3.559.305.712
KC từ XDCB	159.278.558	40.353.873.339	-	-	40.513.151.897
Phân loại lại	15.157.332.178	-	-	-	15.157.332.178
Giảm trong năm	-	(19.293.007.454)	(933.642.365)	-	(20.226.649.819)
Chuyển sang XDCB	-	(2.726.313.287)	-	-	(2.726.313.287)
Thanh lý, nhượng bán	-	(1.409.361.989)	(933.642.365)	-	(2.343.004.354)
Phân loại lại	-	(15.157.332.178)	-	-	(15.157.332.178)
<b>Số cuối năm</b>	<b>54.264.179.635</b>	<b>440.865.142.947</b>	<b>10.049.352.287</b>	<b>2.317.667.649</b>	<b>507.496.342.518</b>
<i>Trong đó:</i>					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	9.500.469.564	-	124.728.570	9.625.198.134
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu năm	15.740.027.786	117.766.279.424	2.919.129.275	615.554.848	137.040.991.333
Khấu hao trong năm	4.764.976.486	42.288.719.963	1.052.039.735	392.996.988	48.498.733.172
Thanh lý, nhượng bán	-	(798.226.874)	(695.893.032)	-	(1.494.119.906)
<b>Số cuối năm</b>	<b>20.505.004.272</b>	<b>159.256.772.513</b>	<b>3.275.275.978</b>	<b>1.008.551.836</b>	<b>184.045.604.599</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu năm	23.082.024.150	299.732.334.344	6.935.739.922	1.702.112.801	331.452.211.217
<b>Số cuối năm</b>	<b>33.759.175.363</b>	<b>281.608.370.434</b>	<b>6.774.076.309</b>	<b>1.309.115.813</b>	<b>323.450.737.919</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 10. Tài sản cố định vô hình

	<u>Quyền sử Dụng đất</u>	<u>Phần mềm máy tính</u>	<u>Cộng</u>
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	58.150.600	579.079.934	637.230.534
Mua trong năm	-	78.000.000	78.000.000
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>58.150.600</b>	<b>657.079.934</b>	<b>715.230.534</b>
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	-	320.263.704	320.263.704
Khấu hao trong kỳ	-	139.218.308	139.218.308
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>-</b>	<b>459.482.012</b>	<b>459.482.012</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	58.150.600	258.816.230	316.966.830
<b>Số cuối kỳ</b>	<b>58.150.600</b>	<b>197.597.922</b>	<b>255.748.522</b>

Quyền sử dụng đất theo các giấy chứng nhận như sau:

- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất xã Krong Jing-Huyện MaĐrăc-Tỉnh Đắk Lắk (340 m<sup>2</sup>).
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất thửa 93, 94, 95, 96 thôn Buôn Lác- Xã Ninh Tây-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa.
- Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất thửa 01 thôn Phước Lâm-Xã Ninh Xuân-Thị xã Ninh Hòa-Tỉnh Khánh Hòa (43.700 m<sup>2</sup>).

### 11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>Năm nay</u>
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>9.665.768.819</b>
Phát sinh trong năm	54.289.870.282
Điều chỉnh từ tài sản cố định hữu hình	2.726.313.287
Kết sang tài sản cố định hữu hình	(40.513.151.897)
Xuất chuyên giao TSCĐ cho Công ty TNHH MTV Nhiệt Điện Ninh Hòa	(19.946.897.165)
Điều chỉnh sang chi phí trả trước dài hạn	(81.230.849)
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>6.140.672.477</b>

### 12. Đầu tư vào công ty con

	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>	<u>Số lượng</u>	<u>Giá trị</u>
<i>Đầu tư cổ phiếu</i>				
Công ty CP Bò Giồng Miền Trung (*)	736.195	15.278.135.340	736.195	15.278.135.340
Công ty CP Mía Đường Phan Rang (**)	-	-	1.619.198	24.128.664.847
Công ty TNHH MTV Nhiệt Điện Ninh Hòa (***)	-	300.000.000.000	-	92.000.000.000

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty TNHH Tư nhân Đường Ninh Hòa (****)	-	14.956.900.000	-	-
<b>Cộng</b>		<b>330.235.035.340</b>		<b>131.406.800.187</b>

(\*) Công ty nắm giữ 736.195 cổ phiếu, tương đương 62,92% vốn điều lệ của Công ty CP Bò Giống Miền Trung.

(\*\*) Tại thời điểm 30/06/2015 Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ 3.939.074 cổ phiếu của Công ty CP Mía Đường Phan Rang, tương đương 87,54% vốn điều lệ theo Quyết định số 147/2015/QĐ-HDQT ngày 24/06/2015.

(\*\*\*) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4201575358 ngày 09 tháng 10 năm 2013 do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế Hoạch Đầu Tư Tỉnh Khánh Hòa cấp; Công ty TNHH MTV Nhiệt Điện Ninh Hòa có vốn điều lệ 300.000.000.000 VND là Công ty con có 100% vốn của chủ sở hữu Công ty CP Đường Ninh Hòa.

(\*\*\*\*) Theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 734/BKHĐT-ĐTRNN ngày 12 tháng 08 năm 2014 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp; Công ty TNHH Tư nhân NHSS được thành lập tại Singapore (Sau được đổi tên thành Công ty TNHH Đường Ninh Hòa theo Giấy chứng nhận đầu tư điều chỉnh số 734/BKHĐT-ĐTRNN-ĐC1 ngày 06/02/2015 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp. Theo Nghị quyết số 186/2014/QĐ-HDQT ngày 04/11/2014 có vốn điều lệ 700.000 USD, tương đương 14.700.000.000 VND là Công ty con có 100% vốn của chủ sở hữu Công ty CP Đường Ninh Hòa. Công ty đã thực hiện chuyển vốn đầu tư ra nước ngoài vào ngày 09/01/2015 với số tiền là 700.000USD, tương đương 14.956.900.000 VND.

### 13. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
<i>Đầu tư cổ phiếu</i>				
Công ty CP Mía Đường Nhiệt Điện Gia Lai (SEC)	8.800.000	136.918.628.178	8.800.000	136.918.628.178
Công ty CP Mía Đường 333 (S33)	-	-	3.508.981	42.606.399.724
<b>Cộng</b>		<b>136.918.628.178</b>		<b>179.525.027.092</b>

Công ty đã hoàn tất chuyển nhượng toàn bộ cổ phần của Công ty CP Mía Đường 333(S33) theo Nghị quyết HĐQT số 255/2014/QĐ-HDQT ngày 25/12/2014 về việc phê duyệt phương án chuyển nhượng cổ phần S33.

### 14. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
<i>Đầu tư dài hạn khác vào cổ phiếu</i>		<b>89.601.234.798</b>		<b>109.101.234.798</b>
Công ty CP Điện Gia Lai	8.050.000	84.000.000.000	8.050.000	84.000.000.000
Công ty CP Giao Dịch Hàng Hóa Sơn Tín	-	-	1.500.000	19.500.000.000
Công ty CP Nghiên Cứu Ứng Dụng Mía Đường Thành Thành Công	420.000	4.200.000.000	420.000	4.200.000.000

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty CP Đường Biên Hòa	116.648	1.401.234.798	116.648	1.401.234.798
<b>Đầu tư dài hạn khác</b>		<b>49.000.000.000</b>		<b>-</b>
Ngân hàng đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN. Khánh Hòa		49.000.000.000		-
<b>Cộng</b>		<b>138.601.234.798</b>		<b>109.101.234.798</b>

Công ty đã chuyển nhượng toàn bộ 1.500.000 cổ phiếu của Công ty CP Giao Dịch Hàng Hóa Sơn Tin theo Quyết định của HĐQT số 148/2015/QĐ-HĐQT ngày 24/06/2015 về việc phê duyệt phương án chuyển nhượng cổ phần Công ty CP Giao Dịch Hàng Hóa Sơn Tin.

### 15. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Là khoản dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán dài hạn của Công ty Cổ Phần Mía Đường Nhiệt Điện Gia Lai (SEC) và Công ty Cổ phần Đường Biên Hòa (BHS).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn trong kỳ như sau:

	Năm nay
Số đầu năm	32.198.628.178
Trích lập dự phòng bổ sung	11.440.000.000
Hoàn nhập dự phòng	(9.680.000.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>33.958.628.178</b>

### 16. Chi phí trả trước dài hạn

	SDDN	Phát sinh tăng trong năm	Kết chuyển chi phí trong năm	SDCN
Chi phí công cụ dụng cụ	2.304.092.960	907.576.236	(2.431.892.321)	779.776.875
Chi phí quyền sử dụng đất	9.360.129.526	4.278.008.000	(433.365.379)	13.204.772.147
Chi phí trả trước dài hạn khác	995.675.076	3.686.917.727	(288.340.221)	4.394.252.582
<b>Cộng</b>	<b>12.659.897.562</b>	<b>8.872.501.963</b>	<b>(3.153.597.921)</b>	<b>18.378.801.604</b>

### 17. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>732.943.152.423</b>	<b>680.795.321.740</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương- CN Khánh Hòa	144.247.530.960	132.552.257.824
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển - CN Khánh Hòa	182.377.129.274	199.707.561.249
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	70.000.000.000	38.500.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Khánh Hòa	112.053.014.889	77.557.681.782
Ngân hàng TMCP Phương Đông- CN Đắk Lắk	-	30.000.000.000
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, CN TP Hồ Chí Minh	99.987.758.049	-
Ngân hàng TMCP Quốc Tế- CN Khánh Hòa	28.777.719.251	98.977.820.885
Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) CN Tp.HCM	74.000.000.000	36.600.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA**

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý IV của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/06/2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TNHH CTBT - CN TP.HCM	21.500.000.000	21.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam-CNI, Tp.HCM	-	20.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đại Dương - CN Nha Trang	-	10.900.000.000
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Khánh Hòa	-	15.000.000.000
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>37.350.955.200</b>	<b>30.604.857.872</b>
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	37.350.955.200	30.604.857.872
<b>Cộng</b>	<b><u>770.294.107.623</u></b>	<b><u>711.400.179.612</u></b>

**Chi tiết phát sinh về các khoản vay như sau**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay trong năm</u>	<u>Số đã trả trong năm</u>	<u>Số dư cuối năm</u>
<b>Vay ngắn hạn ngân hàng</b>	<b>680.795.321.740</b>	<b>1.670.090.463.827</b>	<b>(1.617.942.633.144)</b>	<b>732.943.152.423</b>
Ngân hàng TMCP Ngoại Thương- CN Nha Trang	132.552.257.824	377.752.716.332	(366.057.443.196)	144.247.530.960
Ngân hàng TMCP Đầu Tư và Phát Triển - CN Khánh Hòa	199.707.561.249	368.952.637.318	(386.283.069.293)	182.377.129.274
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	38.500.000.000	198.200.000.000	(166.700.000.000)	70.000.000.000
Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Khánh Hòa	77.557.681.782	222.552.209.521	(188.056.876.414)	112.053.014.889
Ngân hàng TMCP Phương Đông-CN Đắk Lắk	30.000.000.000	120.000.000.000	(150.000.000.000)	-
Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng, CN TP Hồ Chí Minh	-	117.010.819.678	(17.023.061.629)	99.987.758.049
Ngân hàng TMCP Quốc Tế- CN Khánh Hòa	98.977.820.885	43.677.719.251	(113.877.820.885)	28.777.719.251
Ngân hàng TNHH MTV ANZ (Việt Nam) CN Tp.HCM	36.600.000.000	148.544.361.727	(111.144.361.727)	74.000.000.000
Ngân hàng TNHH CTBT - CN TP.HCM	21.000.000.000	42.500.000.000	(42.000.000.000)	21.500.000.000
Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam-CNI, Tp.HCM	20.000.000.000	20.000.000.000	(40.000.000.000)	-
Ngân hàng TMCP Đại Dương - CN Nha Trang	10.900.000.000	10.900.000.000	(21.800.000.000)	-
Ngân hàng TMCP Á Châu - CN Khánh Hòa	15.000.000.000	-	(15.000.000.000)	-
<b>Vay dài hạn đến hạn trả</b>	<b>30.604.857.872</b>	<b>31.434.032.566</b>	<b>(24.687.935.238)</b>	<b>37.350.955.200</b>
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	30.604.857.872	31.434.032.566	(24.687.935.238)	37.350.955.200
<b>Cộng</b>	<b><u>711.400.179.612</u></b>	<b><u>1.701.524.496.393</u></b>	<b><u>(1.642.630.568.382)</u></b>	<b><u>770.294.107.623</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 18. Phải trả người bán

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Hekou Mingcheng Technology & Tradeco., LTD	25.221.980.520	29.919.992.178
Công ty TNHH Hồng Nhung	3.641.912.500	8.203.940.700
Công ty CP Đầu Tư Thành Thành Công	2.524.049.069	308.906.925
Công ty CP BVTV I Trung ương-CN Nam Trung Bộ	2.255.873.424	2.815.588.314
Công ty TNHH Kỹ Thuật Điện-Tự Động Hoá A&E	1.943.999.184	-
Công ty CP TM Nam Cường	1.360.673.572	-
Công ty TNHH TM - DT Thuận Thiên	-	15.789.857.000
Công ty Cổ phần Điện Lực Khánh Hòa	-	10.722.557.500
Công Ty Cổ Phần Cơ Điện Và Xây Lắp Hùng Vương	-	1.106.627.520
Công Ty Cổ Phần Công Nghiệp Hiệp Thành	-	1.086.368.000
Các nhà cung cấp khác	5.054.991.902	7.697.034.509
<b>Cộng</b>	<b><u>42.003.480.171</u></b>	<b><u>77.650.872.646</u></b>

### 19. Thuế và các khoản phải nộp ngân sách nhà nước

Tình hình thực hiện nghĩa vụ thuế và các khoản phải nộp Nhà nước trong kỳ như sau:

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số phải nộp trong năm</u>	<u>Số đã nộp trong năm</u>	<u>Số cuối năm</u>
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.186.882.064	55.105.699.324	(57.608.468.467)	1.684.112.921
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	2.905.368.126	(2.905.368.126)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	1.467.946.653	(1.467.946.653)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp (*)	13.837.096.905	12.250.620.222	(30.997.848.429)	(4.910.131.302)
Thuế thu nhập cá nhân (*)	(461.211.979)	3.707.596.272	(3.290.473.266)	(44.088.973)
Thuế tài nguyên	491.640	20.909.880	(20.843.520)	558.000
Tiền thuê đất, thuế nhà đất	-	4.360.918.900	(4.360.918.900)	-
Các loại thuế khác (*)	(248.006.312)	421.311.828	(405.881.329)	(232.575.813)
<i>Thuế Môn bài</i>	-	4.000.000	(4.000.000)	-
<i>Thuế Nhà thầu</i>	(248.006.312)	417.311.828	(401.881.329)	(232.575.813)
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	31.028.089	(31.028.089)	-
<b>Cộng</b>	<b><u>17.315.252.318</u></b>	<b><u>80.271.399.294</u></b>	<b><u>(101.088.776.779)</u></b>	<b><u>(3.502.125.167)</u></b>

(\*) *Trình bày ở chỉ tiêu các khoản phải thu nhà nước*

#### *Thuế giá trị gia tăng*

Công ty nộp thuế theo phương pháp khấu trừ.

Thuế suất 5%: Đối với sản phẩm đường, phân bón, mật ri, bùn tro, bã mía, thuốc trừ cỏ.

Thuế suất 10%: Đối với hoạt động gia công cơ khí, điện thương phẩm.



## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### *Thuế thu nhập doanh nghiệp*

Xem thuyết minh số IV.16.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	80.128.179.212	71.268.225.825
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	(15.101.717.174)	622.700.378
- Các khoản điều chỉnh giảm	1.374.790.826	622.700.378
	<u>(16.476.508.000)</u>	<u>-</u>
Tổng thu nhập chịu thuế	65.026.462.038	71.890.926.203
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông	22%	22%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp</b>	<b>11.692.124.095</b>	<b>15.816.003.765</b>
<i>Thuế TNDN theo thuế suất phổ thông</i>	<i>6.733.997.280</i>	<i>15.816.003.765</i>
<i>Thuế TNDN từ ưu đãi thuế</i>	<i>4.958.126.815</i>	<i>-</i>
<b>Thuế TNDN bổ sung do quyết toán lại</b>	<b>529.307.672</b>	<b>-</b>
<b>Thuế TNDN được hoàn</b>	<b>(16.248.338.587)</b>	<b>-</b>
<b>Thuế TNDN truy thu</b>	<b>29.188.455</b>	<b>-</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b><u>(3.997.718.365)</u></b>	<b><u>15.816.003.765</u></b>

Thuế suất thuế TNDN công ty được hưởng ưu đãi như sau:

- Miễn thuế 01 năm (kể từ năm 2007) và giảm 50% số thuế phải nộp trong 6 năm tiếp theo (từ năm 2008 đến 2013)
- Thuế suất 20% trong thời gian 9 năm kể từ năm 2007 đến 2015;

### *Thuế nhà đất*

Thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

### *Các loại thuế khác*

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

## 20. Chi phí phải trả

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Trích trước chi phí bổ sung cuối vụ, chi phí khuyến mại, hoàn thành hợp đồng, chi phí khuyến nông	19.524.231.742	19.741.466.580
Chi phí vận chuyển	1.100.798.018	1.771.616.818
Chi phí lãi vay	4.731.136.280	6.458.846.802
Chi phí dịch vụ tư vấn	251.111.112	1.053.725.416
Chi phí khác	813.604.089	744.398.309
<b>Cộng</b>	<b><u>26.420.881.241</u></b>	<b><u>29.770.053.925</u></b>

## 21. Các khoản phải trả, phải nộp khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Sở Tài Chính Khánh Hòa - Ứng vốn	20.000.000.000	20.000.000.000
Tiền lãi phải trả	3.973.545.925	4.329.806.688
Phải trả tiền cổ tức	2.847.996.800	2.091.122.000

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả tiền đặt cọc, ký cược	378.200.000	294.200.000
Kinh phí công đoàn	85.279.640	59.062.300
Phải trả tạm ứng cổ tức	-	30.375.000.000
Các khoản phải trả khác	518.587.353	2.735.051.106
<b>Cộng</b>	<b><u>27.803.609.718</u></b>	<b><u>59.884.242.094</u></b>

### 22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	<u>Quỹ khen thưởng</u>	<u>Quỹ phúc lợi</u>	<u>Quỹ khen thưởng Ban điều hành</u>	<u>Cộng</u>
Số đầu năm	4.286.115.614	2.281.540.301	999.739.545	7.567.395.460
Điều chỉnh quỹ trong năm	-	1.109.044.441	(499.739.545)	609.304.896
Trích quỹ trong năm	4.790.523.858	3.421.802.756	651.121.102	8.863.447.716
Chi quỹ trong năm	(4.751.496.386)	(5.870.753.308)	(500.000.000)	(11.122.249.694)
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>4.325.143.086</u></b>	<b><u>941.634.190</u></b>	<b><u>651.121.102</u></b>	<b><u>5.917.898.378</u></b>

### 23. Vay và nợ dài hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)	84.039.649.069	99.465.787.935
Công ty cho thuê tài chính Quốc Tế Việt Nam (VILC)	3.058.000.000	-
Ngân hàng Thương Mại CP Á Châu	-	53.163.260.002
<b>Cộng</b>	<b><u>87.097.649.069</u></b>	<b><u>152.629.047.937</u></b>

Chi tiết phát sinh về các khoản vay như sau:

	<u>Ngân hàng TNHH MTV HSBC (Việt Nam)</u>	<u>Công ty cho thuê tài chính Quốc Tế Việt Nam (VILC)</u>	<u>Ngân hàng TM CP Á Châu</u>	<u>Tổng cộng</u>
<b>Vay dài hạn</b>				
Số đầu năm	99.465.787.935	-	53.163.260.002	152.629.047.937
Vay trong năm	25.345.632.500	3.058.000.000		28.403.632.500
Thanh toán trong năm	(40.771.771.366)		(7.116.341.890)	(47.888.113.256)
Điều chỉnh trong năm	-		(46.046.918.112)	(46.046.918.112)
<b>Cộng</b>	<b><u>84.039.649.069</u></b>	<b><u>3.058.000.000</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>87.097.649.069</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA**

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý IV của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/06/2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****24. Vốn chủ sở hữu****Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư tại ngày 01/01/2014	607.500.000.000	12.165.550.000	109.220.527.995	15.599.345.134	90.714.905.165	835.200.328.294
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	55.452.222.060	55.452.222.060
Phân bổ vào các quỹ trong năm	-	-	2.772.611.103	2.772.611.103	(13.199.488.853)	(7.654.266.647)
Hoàn nhập quỹ trong năm	-	-	-	-	815.089.079	815.089.079
Chi cổ tức	-	-	-	-	(30.375.000.000)	(30.375.000.000)
Tăng khác trong năm	-	33.000.000	-	-	-	33.000.000
<b>Số dư tại ngày 30/06/2014</b>	<b>607.500.000.000</b>	<b>12.198.550.000</b>	<b>111.993.139.098</b>	<b>18.371.956.237</b>	<b>103.407.727.451</b>	<b>853.471.372.786</b>
Số dư tại ngày 01/07/2014	607.500.000.000	12.165.550.000	111.993.139.098	18.371.956.237	103.407.727.451	853.438.372.786
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	84.125.897.577	84.125.897.577
Trích quỹ trong năm	-	-	3.421.802.756	3.421.802.756	(15.707.053.228)	(8.863.447.716)
Điều chỉnh trong năm	-	-	-	(94.501.500)	500.000.000	405.498.500
<b>Số dư tại ngày 30/06/2015</b>	<b>607.500.000.000</b>	<b>12.165.550.000</b>	<b>115.414.941.854</b>	<b>21.699.257.493</b>	<b>172.326.571.800</b>	<b>929.106.321.147</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ****1. Doanh thu thuần cung cấp hàng hóa và dịch vụ**

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Tổng doanh thu	337.504.059.558	441.172.039.825
- Doanh thu đường RS	248.903.109.236	334.302.443.310
- Doanh thu mật rỉ	32.029.062.811	27.103.635.466
- Doanh thu bán bùn, tro	10.200.880.152	8.385.908.076
- Doanh thu điện thương phẩm	-	574.300
- Doanh thu khác	46.371.007.359	71.379.478.673
Các khoản giảm trừ doanh thu:	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>337.504.059.558</b>	<b>441.172.039.825</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA**

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý IV của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/06/2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)****2. Giá vốn hàng bán**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Giá vốn đường RS	209.928.514.258	247.889.727.298
Giá vốn mật ri	32.029.062.811	27.103.635.466
Giá vốn bán bùn, tro	8.008.334.959	7.141.075.334
Giá vốn điện thương phẩm	-	574.300
Giá vốn khác	45.416.525.739	68.173.202.206
<b>Cộng</b>	<b><u>295.382.437.767</u></b>	<b><u>350.308.214.604</u></b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Lãi cho vay + ứng trước hợp đồng+thanh toán chậm	2.638.953.444	7.868.477.466
Lãi đầu tư nông dân trồng mía	2.265.593.268	1.975.608.634
Lãi chứng khoán	1.420.242.353	-
Lãi tiền gửi ngân hàng	1.356.045.805	697.618.724
Lãi chênh lệch tỷ giá	-	2.333.447
<b>Cộng</b>	<b><u>7.680.834.870</u></b>	<b><u>10.544.038.271</u></b>

**4. Chi phí tài chính**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư	14.250.000.000	-
Chi phí lãi vay	13.057.233.814	18.214.086.440
Chi phí dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	1.548.574.802	(3.280.000.000)
Chênh lệch tỷ giá	308.708.605	440.238.341
<b>Cộng</b>	<b><u>29.164.517.221</u></b>	<b><u>15.374.324.781</u></b>

**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Chi phí nhân viên	636.943.043	329.745.558
Chi phí vận chuyển	5.394.370.512	6.867.835.024
Chi phí khác bằng tiền	42.064.000	32.840.500
<b>Cộng</b>	<b><u>6.073.377.555</u></b>	<b><u>7.230.421.082</u></b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	8.588.164.616	9.403.453.311
Chi phí vật liệu, dụng cụ quản lý	312.476.374	134.167.855
Chi phí khấu hao tài sản cố định	573.064.228	512.998.045
Thuế, phí, lệ phí	94.251.325	59.643.038
Chi phí bằng tiền khác	5.091.546.395	3.887.435.031
<b>Cộng</b>	<b><u>14.659.502.938</u></b>	<b><u>13.997.697.280</u></b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

### 7. Thu nhập khác

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Thu nhập từ chuyển nhượng tài sản cố định	47.983.500	-
Thu nhập từ vi phạm hợp đồng	-	954.343.980
Thu nhập khác	360.303.150	464.395.169
<b>Cộng</b>	<b>408.286.650</b>	<b>1.418.739.149</b>

### 8. Chi phí khác

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Chi phí khác	201.461.117	333.135.195
<b>Cộng</b>	<b>201.461.117</b>	<b>333.135.195</b>

### 9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	84.125.897.577	55.452.222.060
<i>Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:</i>	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	84.125.897.577	55.452.222.060
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	60.750.000	60.750.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.385</b>	<b>913</b>

## VII. MỘT SỐ THÔNG TIN KHÁC

### 1. Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng trong Công ty.

Các giao dịch giữa Công ty với các Thành viên quản lý chủ chốt bao gồm:

Thành viên chủ chốt	Nội dung giao dịch
Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	Tiền thù lao trong năm là 701.000.000 VND, năm trước là 364.700.000 VND
Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	Tiền lương, thưởng theo quy chế của Công ty. Thu nhập trong năm là 6.147.670.488 VND, năm trước là 5.049.376.208 VND

### 2. Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan với Công ty gồm:

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty CP Bò Giồng Miền Trung	Công ty con
Công ty TNHH MTV Nhiệt Điện Ninh Hòa	Công ty con
Công ty CP Mía Đường Phan Rang	Công ty con

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA**

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Quý IV của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/06/2015

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**

<b>Bên liên quan</b>	<b>Mối quan hệ</b>
Công ty CP Mía Đường Nhiệt Điện Gia Lai	Công ty liên kết
Công ty CP Đầu Tư Thành Thành Công	Cổ đông lớn sở hữu 45,11% vốn điều lệ

Các giao dịch trọng yếu phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<b>Năm nay</b>	<b>Năm trước</b>
<b>Công ty CP Đầu Tư Thành Thành Công</b>		
Bán mặt ri	148.374.196.421	378.093.773.760
Mua hàng hóa, dịch vụ	8.060.505.050	945.625.114
Lãi chậm thanh toán, lãi cho vay	2.993.580.130	8.030.963.039
Thanh lý tài sản cố định	-	1.900.000.000
Cho vay ngắn hạn	-	164.000.000.000
<b>Công ty CP Đường Biên Hòa</b>		
Bán đường thành phẩm	227.591.011.547	70.766.191.572
	-	862.298.492
Lãi ứng trước tiền hàng		
<b>Công ty CP Bò Giồng Miền Trung</b>		
Phải thu từ lãi cho vay	300.681.264	48.108.524
Cho vay ngắn hạn	3.800.000.000	1.200.000.000
Phí quản lý đất và cơ sở hạ tầng	132.000.000	66.000.000
Mua mía nguyên liệu	3.759.873.500	3.356.181.956
Ứng trước tiền mua mía nguyên liệu	3.494.574.299	1.198.208.792
<b>Công ty TNHH MTV Nhiệt Điện Ninh Hòa</b>		
Bán bã mía	6.280.475.462	4.601.834.624
Xuất chuyển giao TSCĐ, vật tư	276.427.574.224	287.189.097.177
Góp vốn	208.000.000.000	-
Chi trả hộ	2.476.256.741	3.923.621.313
<b>Công ty CP Mía đường Phan Rang</b>		
Mua đường C, nguyên vật liệu	281.589.524	331.863.912
Bán thanh lý tài sản, nguyên vật liệu	176.143.500	159.350.000
Xuất trả lưu huỳnh	283.549.984	-
Bán mía giống	58.821.000	-
<b>Công ty CP Mía đường Nhiệt điện Gia Lai - SEC</b>		
Bán đường thành phẩm	6.114.285.600	-
Góp vốn cổ phần	-	24.000.000.000
Thu nhập từ cổ tức	4.400.000.000	-
Thanh lý tài sản cố định	-	600.000.000
Vận chuyển mía nguyên liệu	2.347.923.000	-
Mua mía nguyên liệu	6.811.618.613	-

## CÔNG TY CỔ PHẦN ĐƯỜNG NINH HÒA

Địa chỉ: Phước Lâm - Ninh Xuân - Ninh Hòa - Khánh Hòa

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý IV của năm tài chính bắt đầu từ ngày 01/07/2014 đến ngày 30/06/2015

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015 số dư công nợ của các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP Đầu Tư Thành Thành Công	23.086.979.972	243.041.503.713
- Phải thu khách hàng (xem thuyết minh V.3)	21.383.945.250	239.282.853.270
- Phải thu khác (xem thuyết minh V.5)	1.703.034.722	3.758.650.443
Công ty TNHH MTV Nhiệt Điện Ninh Hòa	6.168.933.948	4.833.546.355
- Phải thu khách hàng (xem thuyết minh V.3)	6.168.933.948	4.831.926.355
- Phải thu khác (xem thuyết minh V.5)	-	1.620.000
Công ty CP Bò Giống Miền Trung	9.890.182.940	4.392.788.569
- Phải thu từ đầu tư	6.783.932.941	4.385.251.069
- Cho vay ngắn hạn (xem thuyết minh V.2)	3.000.000.000	1.200.000
- Phải thu khác (xem thuyết minh V.5)	106.249.999	6.337.500
Công ty CP Đường Biên Hòa	69.305.221.682	11.886.574.841
Công ty CP Mía đường Phan Rang	52.781.850	-
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b><u>108.504.100.392</u></b>	<b><u>264.154.413.478</u></b>
Công ty CP Đầu Tư Thành Thành Công	2.524.049.069	308.906.925
Công ty CP Bò Giống Miền Trung	-	72.000.000
Công ty CP Mía Đường Phan Rang	-	199.092.779
<b>Cộng nợ phải trả</b>	<b><u>2.524.049.069</u></b>	<b><u>888.906.629</u></b>

Ninh Hòa, ngày 12 tháng 08 năm 2015

Nguyễn Thị Như Hiếu  
Người lập biểu

Ngô Thị Thu Trang  
Kế toán trưởng

Võ Thị Thủy Tiên  
Giám đốc tài chính



Trần Kim Dũng  
Tổng Giám đốc